

**CARIYĀPIṬAKA PĀḶI**

**&**

**HẠNH TẠNG**

### **3. Kurudhammacariyaṃ**

20. Punāparaṃ yadā homi indapatthe<sup>1</sup> puruttame  
rājā dhanañjayo nāma kusale<sup>2</sup> dasahupāgato.
21. Kālīṅga<sup>3</sup> raṭṭhavisayā brāhmaṇā upagañchu maṃ  
āyācuṃ maṃ hatthināgaṃ dhaññaṃ maṅgalasammatāṃ.
22. Avuṭṭhiko janapado dubbhikkho chātako mahā  
dadāhi pavaraṃ nāgaṃ nīlaṃ añjanasavhayaṃ.
23. Na me yācakamanuppatte paṭikkhepo anucchavo  
mā me bhijji samādānaṃ dassāmi vipulaṃ gajaṃ.
24. Nāgaṃ gahetvā soṇḍāya bhikkhāre ratanāmaye  
jalaṃ hatthe ākiritvā brāhmaṇānaṃ adaṃ gajaṃ.
25. Tassa nāge padinnamhi amaccā etadabrūvuṃ  
kinnu tuyhaṃ varaṃ nāgaṃ yācakānaṃ padassasi.
26. Dhaññaṃ maṅgalasampannaṃ saṅgānavijayuttamaṃ  
tasmiṃ nāge padinnamhi kinte rajjaṃ<sup>4</sup> karissati.
27. Rajjampi me dade sabbaṃ sarīraṃ dajjamattano  
sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ tasmā nāgaṃ adāsahanti.

Kurudhammacariyaṃ tatiyaṃ.

### **4. Mahāsudassanacariyaṃ**

28. Kusāvatiṃhi nagare yadā āsiṃ mahīpati  
mahāsudassano nāma cakkavatti mahabbalo.
29. Tatthāhaṃ<sup>5</sup> divase tikkhattuṃ ghosāpemi tahiṃ tahiṃ  
ko kiṃ icchati pattheti kassa kiṃ diyatu dhanāṃ.

---

1. indapatte - Sīmu.  
2. kusalehi - Syā.  
3. kaliṅga - Machasaṃ.

4. kururāja - Machasaṃ.  
5. tadāhaṃ - Pu.

### 3. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Kurudhamma:<sup>1</sup>

20. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là vị vua tên Dhanañjaya ở tại kinh thành Indapattha, và được thuận thực về mười thiện nghiệp.

21. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kalinga đã đi đến gặp ta. Họ đã cầu xin ta con long tượng được xem là biểu hiện của sự thịnh vượng và may mắn.

22. (Họ đã nói rằng): “Xứ sở chúng tôi không có mưa, thức ăn hiếm hoi, đói kém trầm trọng. Xin ngài hãy ban cho con hắc long tượng cao quý có tên là Añjana.”

23. (Ta nghĩ rằng): “Đối với ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của ta chớ có bị đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ đại.”

24. Sau khi nắm lấy con voi ở chiếc ngà và rưới nước từ chiếc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn.

25. Khi con voi ấy đã được cho đi, các quan đại thần đã nói điều này: “Sao ngài lại cho con voi quý báu của ngài đến những kẻ cầu xin?”

26. Con voi là tối ưu trong việc chiến thắng ở trận tiền, được thành tựu sự thịnh vượng và may mắn. Khi con voi ấy đã được cho đi thì cái gì sẽ vận hành vương quốc của ngài?”

27. Ta có thể bố thí luôn cả toàn bộ vương quốc của ta. Ta có thể bố thí cả thân mạng của mình. Đối với ta, quả vị Toàn Tri là yêu quý; vì thế ta đã bố thí con long tượng.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Kurudhamma là phần thứ ba.

### 4. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Mahāsudassana:<sup>2</sup>

28. Khi ở thành phố Kusāvati, ta đã là vị lãnh chúa, đấng Chuyển Luân Vương có quyền lực lớn lao tên Mahāsudassana.

29. Tại thành phố ấy, ta đã cho thông báo ba lần trong ngày ở khắp các nơi rằng: “Ai muốn (hoặc) mong mỏi vật gì? Của cải gì nên được ban phát? (Ban phát) đến ai?”

1. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 276.

3. Kinh Đại Thiệ Kiến Vương, Trường Bộ Kinh II; Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 95.

30. Ko chātako ko tasito ko mālaṃ ko vilepanaṃ  
nānārattāni vatthāni ko naggo paridahissati.
31. Ko pathe chattamādeti ko pāhanā mudū subhā  
iti sāyañca pāto ca ghosāpemi tahiṃ tahiṃ.
32. Na taṃ dasasu ṭhānesu na pi<sup>1</sup> ṭhānasatesu vā  
anekasataṭhānesu paṭiyattaṃ yācake dhanāṃ.
33. Divā vā yadi vā rattim yadi eti vaṇibbako  
laddhā yadicchakaṃ bhogaṃ pūrahatthova gacchati.
34. Evarūpaṃ mahādānaṃ adāsimaṃ yāvajivikaṃ  
napāhaṃ dessaṃ dhanāṃ dammi napi natthi nicayo mayi.
35. Yathāpi āturo nāma rogato parimuttiyā  
dhanena vejjamaṃ tappetvā rogato parimuccati.
36. Tathevāhaṃ jānamāno paripūretumasesato  
ūnāmanaṃ pūrayitumaṃ demi dānaṃ vaṇibbake  
nirālayo apaccāso sambodhimanupattiyāti.

Mahāsudassanacariyaṃ catutthaṃ.

## **5. Mahāgovindacariyaṃ**

37. Punāparaṃ yadā homi satta rājapurohito  
pūjito naradevehi mahāgovindabrāhmaṇo.
38. Tadāhaṃ sattarajjesu yaṃ me āsi upāyanaṃ  
tena demi mahādānaṃ akkhobhaṃ<sup>2</sup> sāgarūpamaṃ.
39. Na me dessaṃ dhanāṃ dhaññaṃ napi natthi nicayo mayi  
sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ tasmā demi varaṃ dhananti.

Mahāgovindacariyaṃ pañcamaṃ.

---

1. nahi - Syā.

2. akekhaḥhahaṃ - Sīmu, Machasaṃ; acachaṃ - Pu.

30. Ai đói? Ai khát? Ai (cần) vòng hoa? Ai (cần) đầu thoa? Có các loại vải vóc đủ màu, ai trần truồng thì sẽ mặc vào?

31. Ai đi đường cần đến dù? Ai (cần đến) giày dép mềm mại, đẹp để?" Ta đã cho thông báo sáng chiều ở khắp các nơi như thế.

32. Cửa cái ấy đã được chuẩn bị cho những người cầu xin không phải chỉ ở mười địa điểm, hoặc ở một trăm địa điểm, mà ở hàng trăm địa điểm.

33. Nếu có người nghèo khổ đi đến cho dù ban ngày hoặc ban đêm, họ đều được nhận lãnh tài sản theo như ý thích rồi ra đi với hai tay tràn đầy của cải.

34. Ta đã bố thí những phẩm vật lớn lao có hình thức như thế cho đến trọn đời. Ta cho ra của cải không phải là vì không thích ý, cũng không phải là vì ta không có chỗ để cất giữ.

35. Cũng giống như người bị bệnh, sau khi làm hài lòng vị thầy thuốc với vàng bạc cho việc chữa lành căn bệnh, thì (sẽ) được hoàn toàn thoát khỏi căn bệnh.

36. Tương tự y như thế, khi biết được (điều ấy), để làm viên mãn (pháp bố thí) không bị thiếu sót và làm cho đầy đủ tâm ý còn khiếm khuyết, ta đã ban phát vật thí cho những người cầu xin, không luyến tiếc, không mong mỏi sự đền đáp nhằm thành tựu quả vị Toàn Giác.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahāsudassana là phần thứ tư.

## 5. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Mahāgovinda:<sup>1</sup>

37. Vào một thời điểm khác nữa, khi là Bà-la-môn Mahāgovinda, ta đã là viên quan tế tự của bảy vị vua và được các đấng quân vương cung phụng.

38. Khi ấy, phẩm vật ở trong bảy vương quốc đã là của ta. Với phẩm vật ấy ta đã ban phát cuộc đại thí, tợ như biển cả không bị xáo động

39. Không phải là của cải và lúa gạo là không được vừa ý đối với ta và cũng không phải là ở nơi ta không có sự tích trữ. Quả vị giác ngộ đối với ta rất là cao quý, do đó ta bố thí tài sản quý giá.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahāgovinda là phần thứ năm.

1. So sánh với Kinh Đại Điền-tôn (*Mahāgovindasuttaṃ*), Trường Bộ Kinh II.

## 6. Nimirājacariyaṃ

40. Punāparaṃ yadā homi mithilāyaṃ puruttame  
nimi nāma mahārājā paṇḍito kusalatthiko.
41. Tadāhaṃ māpayitvāna catussālaṃ<sup>1</sup> catummukhaṃ  
tattha dānaṃ pavattesiṃ migapakkhinarādinaṃ.
42. Acchādanañca sayanañca annaṃ pānañca bhojanaṃ  
abbocchinaṃ karitvāna mahādānaṃ pavattayiṃ.
43. Yathāpi sevako sāmiṃ dhanahetumupāgato  
kāyena vācā manasā ārādhaniyamesati.
44. Tathevāhaṃ sabbabhava pariyesissāmi bodhijaṃ  
dānena satte tappetvā icchāmi bodhimuttamanti.

Nimirājacariyaṃ chaṭṭhamaṃ.

## 7. Candakumāracariyaṃ

45. Punāparaṃ yadā homi ekarājassa atrajo  
nagare pupphavatiyā kumāro candasavhayo.
46. Tadāhaṃ yajanā mutto nikkhanto yaññavāṭato<sup>2</sup>  
saṃvegaṃ janayitvāna mahādānaṃ pavattayiṃ.
47. Nāhaṃ pivāmi khādāmi napi bhuñjāmi bhojanaṃ  
dakkhiṇeyye adatvāna<sup>3</sup> api chappañca rattiyo.
48. Yathāpi vāṇijo nāma katvāna bhaṇḍasañcayaṃ  
yattha lābho mahā hoti tattha taṃ harati bhaṇḍakaṃ.
49. Tatheva sakabhuttāpi<sup>4</sup> pare dinnāṃ mahapphalaṃ  
tasmā parassa dātappaṃ satabhāgo bhavissati.
50. Etamatthavasāṃ ñatvā demi dānaṃ bhavābhava  
na paṭikkamāmi dānato sambodhimanupattiyāti.

Candakumāracariyaṃ sattamaṃ.

---

1. catusālaṃ - Syā.

2. yaññavāṭato - Syā;  
yaññapātato - Simu.

3. dakkhiṇeyyaṃ - katthaci.

4. sakaparituttāpi - Pu.

## 6. Hạnh của Đức Vua Nimi:<sup>1</sup>

40. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là vị đại vương tên Nimi, là bậc trí tuệ và là người tâm cầu thiện pháp ở tại kinh thành Mithilā.

41. Khi ấy, ta đã cho thực hiện bốn sảnh đường (mỗi sảnh đường) có bốn cổng ra vào (ở bốn hướng chính). Ở tại nơi ấy, ta đã cho tiến hành việc bố thí đến các thú vật, chim chóc, loài người, v.v...

42. Ta đã thực hiện không ngừng nghỉ (ngày đêm không gián đoạn đến lúc dứt tuổi thọ, CpA. 54) và đã cho tiến hành cuộc đại thí (gồm có) y phục, giường ghế, cơm ăn, nước uống, và thực phẩm (các loại),

43. Cũng giống như người đầy tớ, vì lý do lương bổng, tiếp cận chủ nhân và suy tâm cách làm hài lòng bằng thân, khẩu, ý (bằng hành động, lời nói, và tư tưởng).

44. Tương tự y như thế, trong tất cả mọi kiếp sống ta cũng sẽ tâm cầu việc làm sanh khởi sự giác ngộ. Sau khi làm thỏa mãn các chúng sanh với vật bố thí, ta mong cầu quả vị giác ngộ tối thượng.

Hạnh của đức vua Nimi là phần thứ sáu.

## 7. Hạnh của Hoàng Tử Canda:<sup>2</sup>

45. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là vị hoàng tử tên Canda, con trai của Ekarāja, ở tại thành phố Pupphavātī.

46. Khi ấy, ta đã được thoát khỏi cuộc tế thần và đã rời khỏi khu vực cuộc lễ tế. Sau khi đã tạo nên niềm xúc động, ta đã tiến hành cuộc đại thí.

47. (Khi) không được bố thí đến những người xứng đáng sự bố thí, ta không uống, không ăn, cũng không thọ dụng vật thực, thậm chí đến năm sáu đêm.

48. Cũng giống như người thương buôn sau khi đã tích trữ hàng hóa thì sẽ đem hàng hóa ấy đến nơi nào có nhiều lợi nhuận.

49. Tương tự y như thế, ngay cả việc bố thí đến người khác vật đã được thọ dụng bởi bản thân cũng có quả báu lớn; vì thế nên bố thí đến tha nhân, sẽ có được (kết quả) gấp trăm lần.

50. Biết được năng lực của chân lý ấy, ta đã ban phát vật bố thí kiếp này đến kiếp khác. Ta không suy giảm việc bố thí nhằm thành tựu quả vị Toàn Giác.

Hạnh của Hoàng Tử Canda là phần thứ bảy.

---

1. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 541.

4. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 542.